

Bản án số: 834/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-06-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đông
Ông Trần Văn Triều

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn – Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Trong ngày 27 tháng 06 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2386/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Bảo N, sinh năm 1995, quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 387/24 đường P, phường P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T), sinh năm 1995, quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: Ontario, K1R 7K1, Canada.

(Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 18/04/2017 và Bản tự khai ngày 05/09/2017, nguyên đơn là Bà Lê Bảo N trình bày:

Bà và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 15/07/2015 vào sổ đăng ký kết hôn số 1736 quyển số 09 ngày 16/07/2015 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống giữa bà và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) thường hay xảy ra những mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhiều lần, dù đã được người nhà hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Bà và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) không thương yêu, quý trọng và chăm sóc lẫn nhau. Ngày 17/07/2016 ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) trở về Ca-na-đa nên giữa bà và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) ít liên lạc với nhau, đến ngày 20/08/2016 thì giữa bà và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) không còn liên lạc với nhau nữa.

Do đó, bà cảm thấy giữa bà và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) không còn tình cảm với nhau nữa nên bà yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T).

Về con chung: Bà khai bà và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà khai bà và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) không có tài sản chung và không có nợ chung.

Theo Văn bản trả lời và Đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt đều đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Ốt-ta-oa – Ca-na-đa chứng nhận số 02/03/2018-CNCK ngày 01/03/2018, bị đơn là ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) trình bày:

Ông và Bà Lê Bảo N tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 1736 quyển số 09 ngày 16/07/2015 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình chung sống ông và bà N không có tiếng nói chung, không thể chia sẻ được với nhau, dẫn đến việc giữa ông và bà N đã không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông cũng đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông khai ông và Bà Lê Bảo N không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông khai ông và Bà Lê Bảo N không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Bà Lê Bảo N và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) đều có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào ngày 18/4/2017, Bà Lê Bảo N có Đơn khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho Bà Lê Bảo N được ly hôn với ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T). Do ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) đang cư trú tại nước ngoài, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều

35; Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của Bà Lê Bảo N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn là Bà Lê Bảo N có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt theo Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/6/2018, đồng thời bị đơn là ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) cũng yêu cầu xin được vắng mặt tại toàn bộ quá trình tố tụng của Tòa án cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm theo Văn bản trả lời và Đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt đều đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Ốt-ta-oa – Ca-na-đa chứng nhận số 02/03/2018-CNCK ngày 01/03/2018, nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 207, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điểm a Khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa Bà Lê Bảo N và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ Bản tự khai ngày 05/09/2017 của Bà Lê Bảo N và Văn bản trả lời và Đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt của ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T), đều đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Ốt-ta-oa – Ca-na-đa chứng nhận số 02/03/2018-CNCK ngày 01/03/2018, hai bên thống nhất thỏa thuận tình ly hôn nên có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa Bà Lê Bảo N và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của Bà Lê Bảo N được ly hôn với ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T).

Về con chung: Bà Lê Bảo N và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) đều khai không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Bảo N và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) đều khai không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm Bà Lê Bảo N là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Bà Lê Bảo N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Bà Lê Bảo N như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Bảo N và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa Bà Lê Bảo N và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 15/07/2015 vào sổ đăng ký kết hôn số 1736 quyển số 09 ngày 16/07/2015 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

2. Về con chung:

Bà Lê Bảo N và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) đều khai không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Lê Bảo N và ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) đều khai không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Bảo N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí Bà Lê Bảo N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034400 ngày 16/06/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Bảo N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Bảo N vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với Bà Lê Bảo N là 15 ngày, kể từ ngày Bà Lê Bảo N được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng do ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) có ủy quyền cho ông Bùi Hữu P, sinh năm 1995 nhận bản án thay ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Ho Phan Quang T (Hồ Phan Quang T) là 01 tháng, kể từ ngày ông Bùi Hữu P được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh